

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/DS-ST

Ngày: 25/8/2022

*“V/v tranh chấp dân sự – Hợp
đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Chí Tâm.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Phụng;

Ông Phan Quốc Tiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 335/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc: *“Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đỗ Văn S, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp M, xã Q, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Văn S trình bày:**

Ngày 04/10/2019, ông T có mượn ông S số tiền 20.000.000 đồng mua thức ăn cho cá với lãi suất là 03%/tháng. Ngày 05/10/2020, ông T tiếp tục mượn thêm số tiền 550.000.000 đồng để đáo hạn nợ ngân hàng. Tổng cộng, ông T nợ ông S số tiền 570.000.000 đồng. Thời hạn mượn tiền là khi nào ông T thu hoạch cá sẽ trả lại cho ông S nhưng khi ông T thu hoạch cá xong thì không trả tiền. Ông S đã nhiều lần yêu cầu ông T thanh toán số tiền đã mượn ông S nhưng ông T vẫn không trả.

Nay ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T trả cho ông S số tiền 763.224.000 đồng cụ thể:

+ Số tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/10/2019 đến ngày 07/6/2022 (32 tháng) x 1,66%/tháng = 10.624.000 đồng; tổng cộng là 30.624.000 đồng;

+ Số tiền 550.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/10/2020 đến ngày 07/6/2022 (20 tháng) x 1,66%/tháng = 182.600.000 đồng, tổng cộng 732.600.000 đồng.

Yêu cầu tiếp tục tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 07/6/2022 đến khi kết thúc

vụ kiện đối với số tiền gốc 570.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T thừa nhận có mua thức ăn nuôi cá của ông S, có nợ ông S số tiền 20.000.000 đồng và có làm biên nhận ngày 04/10/2019. Đồng thời, ngày 05/10/2020, ông T có mượn thêm ông S số tiền 550.000.000 đồng để đáo hạn nợ ngân hàng. Tổng cộng ông T nợ ông S số tiền 570.000.000 đồng đúng như ông S đã trình bày.

Tại phiên tòa ông T thừa nhận khi ký hợp đồng vay 20.000.000đ ngày 04/10/2019 với ông S thì hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng và ký hợp đồng vay 550.000.000đ ngày 05/10/2020 với lãi suất là 6%/tháng như ông S trình bày.

Do hoàn cảnh khó khăn nên ông T chưa thanh toán vốn và lãi cho ông S. Nay ông T đồng ý trả cho ông S số tiền nợ gốc 570.000.000 đồng, nhưng chỉ đồng ý trả lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày ông S khởi kiện, vì trong 02 biên nhận ngày 04/10/2019 và ngày 05/10/2020 đều không thỏa thuận lãi suất và cũng không thỏa thuận ngày trả tiền nên ông T không đồng ý về mức lãi suất cũng như thời hạn tính lãi của ông S.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Biên nhận đề ngày 04/10/2019 (bản chính);
- Biên nhận viết tay, đề ngày 05/10/2020 (bản chính);
- Căn cước công dân của nguyên đơn (bản photo);
- Đơn xin miễn, giảm án phí sơ thẩm (bản chính);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn là ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp M, xã T, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào năm 2020 tại thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung khởi kiện: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn S yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền nợ gốc là 570.000.000đ và lãi suất 1,66%/tháng kể từ thời điểm vay. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào biên nhận ngày 04/10/2019 và biên nhận ngày 05/10/2020 có chữ ký của ông Nguyễn Văn T với nội dung “ông T có vay tiền của ông S với số tiền là 570.000.000đ”, đồng thời ông T cũng thừa nhận có sự việc trên, do đó có cơ sở xác định giữa ông S và ông T có giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau.

Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

Ông S trình bày đã nhiều lần yêu cầu ông T trả số tiền vay là 570.000.000đ nhưng ông T không thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Tại phiên tòa ông T cũng đồng ý trả số tiền còn nợ là 570.000.000đ. Nay ông S khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ gốc là 570.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Ông S yêu cầu ông T trả số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/10/2019 đối với số tiền vay là 20.000.000đ và kể từ ngày 05/10/2020 đối với số tiền vay là 550.000.000đ với lãi suất là 1,66%/tháng đến khi xét xử sơ thẩm xong. Ông Nguyễn Văn T chỉ đồng ý trả lãi đối với 02 biên nhận trên với lãi suất 0,83%/tháng.

[4.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định: *“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực...”*. Mặt dù các đương sự thừa nhận khi ký kết hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng và 6%/tháng nhưng mức lãi suất thỏa thuận này cao hơn so với quy định của pháp luật nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng). Nên yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn được chấp nhận.

[4.2]. Đối với trình bày của ông T là đồng ý trả lãi cho ông S kể từ ngày ông S khởi kiện với mức lãi suất 0,83%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm thỏa thuận vay tiền thì ông S và ông T đã thỏa thuận về lãi suất với nhau lần lượt là 3%/tháng và 6%/tháng (ông S và ông T điều thống nhất trình bày tại phiên tòa), do đó trình bày của ông T là chưa có cơ sở như phân tích ở trên, nên không được chấp nhận.

Do đó số tiền lãi bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn như sau:

- Đối với tiền lãi của số tiền vay 20.000.000đ theo biên nhận ngày 04/10/2019 đến ngày 25/8/2022 (34 tháng 21 ngày) là 11.520.000đ.

- Đối với tiền lãi của số tiền vay 550.000.000đ theo biên nhận ngày 05/10/2020 đến ngày 25/8/2022 (20 tháng 20 ngày) là 188.686.666đ (làm tròn 188.687.000đ).

Tổng cộng ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông Đỗ Văn S số tiền 770.207.000đ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

[5] Án phí: Các đương sự được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S đối với ông Nguyễn Văn T.

- Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Văn S số tiền 770.207.000đ (vốn gốc là 570.000.000đ và lãi là 200.207.000đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi T hành xong, bên phải T hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Chi cục THA HCL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Chí Tâm